BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG *(General information):*

- Tên học phần (*tiếng Việt*)	**: Lý luận Nhà nước và pháp luật**
- Tên học phần (*tiếng Anh*)	**: Theories of State and Law**
- Mã học phần	**: LA2017**
- Trình độ	**:** Đại học
- Loại học phần	□ Bắt buộc □ Tự chọn
- Thuộc thành phần	□ Kiến thức giáo dục đại cương □Kiến thức cơ sở khối ngành □ Kiến thức cơ sở ngành □ Kiến thức ngành / chuyên ngành □ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách	: Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật
- Số tín chỉ *(Lý thuyết, thực hành)*	: 3(3, 0, 6)
- Phân bổ thời gian	- Lý thuyết: 45 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 105 giờ - Thực hành: 0 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 0 giờ
- Học phần tiên quyết	: Không
- Học phần học trước	: Không
- Học phần song hành	: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description):

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần)

Môn học Lý luận chung về nhà nước và pháp luật cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; ý thức pháp luật.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

(*Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản toàn diện về nhà nước và pháp luật. Nắm được mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật; Hiểu được sự khác nhau trong những vấn đề nhà nước và pháp luật của các nước trên thế giới.
O2	Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước và pháp luật trong thực tế. Liên hệ những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lí khác, nhất là các môn khoa học pháp lí chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật.
Kỹ năng	
O3	Đánh giá toàn diện các vấn đề nhà nước và pháp luật. Độc lập, linh hoạt trong quá trình đưa ra nhận định về vấn đề pháp lý liên quan đến các vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật. Chủ động trong đánh giá, phản biện các nội dung mâu thuẫn.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Chủ động trong tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Tích cực tuyên truyền về các nội dung pháp luật và hoạt động cơ bản của nhà nước và pháp luật.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN *(Course learning outcomes - CLOs)*

(*Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1	**CLO1.** Hệ thống hóa được kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật chung gồm các vấn đề về: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức nhà nước; Bộ máy nhà nước; Nhà nước pháp quyền; Nguồn gốc, kiểu, hình thức pháp luật; Quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật; Giải thích pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	PLO1

O2	**CLO2.** Vận dụng được những kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật vào việc giải thích, đánh giá các hiện tượng nhà nước và pháp luật trên thực tế.	PLO2
Kỹ năng		
O3	**CLO3.** Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề của lý luận nhà nước và pháp luật.	PLO6 PLO7
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O4	**CLO4.** Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Tích cực tuyên truyền về các nội dung pháp luật và hoạt động cơ bản của nhà nước.	PLO11

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	**Nội dung** *(Tên bài giảng)*	**Số giờ**				**TỔNG**
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	**Chương 1: Khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc của Nhà nước** 1.1. Khái niệm nhà nước 1.2. Nguồn gốc nhà nước 1.3. Kiểu nhà nước	3		10		13
Bài 2	**Chương 2: Khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc của pháp luật** 2.1. Khái niệm pháp luật 2.2. Đặc điểm của pháp luật 2.3. Nguồn gốc của pháp luật	3		10		13
Bài 3	**Chương 3: Bản chất, chức năng và các mối quan hệ của Nhà nước** 3.1. Bản chất nhà nước 3.2. Chức năng nhà nước 3.3. Các mối quan hệ của nhà nước	3		10		13
Bài 4	**Chương 4: Bản chất, chức năng và các mối quan hệ của Pháp luật** 4.1. Bản chất pháp luật	3		5		08

Số TT	Nội dung *(Tên bài giảng)*	Số giờ				TỔNG
	4.2. Chức năng phát luật 4.3. Các mối quan hệ của pháp luật					
Bài 5	**Chương 5: Hình thức nhà nước** 5.1. Khái niệm hệ thống chính trị 5.2. Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị 5.3. Quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị 5.4. Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	3		10		13
Bài 6	**Chương 6: Hình thức pháp luật** 6.1. Khái niệm hình thức của pháp luật 6.2. Các hình thức của pháp luật	3		5		08
Bài 7	**Chương 7: Các kiểu nhà nước và kiểu pháp luật** 7.1. Các kiểu nhà nước 7.2. Các kiểu pháp luật	3		5		08
Bài 8	**Chương 8: Quy phạm pháp luật** 8.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 8.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật	3		5		08
Bài 9	**Chương 8: Quy phạm pháp luật (tt)** 8.3. Cách trình bày quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật 8.4. Phân loại quy phạm pháp luật	3		10		13
Bài 10	**Chương 9: Quan hệ pháp luật** 9.1. Khái niệm và phân loại quan hệ pháp luật 9.2. Thành phần của quan hệ pháp luật 9.3. Sự kiện pháp lý	3		10		13
Bài 11	**Chương 10: Hệ thống pháp luật** 10.1. Khái niệm hệ thống pháp luật 10.2. Hệ thống pháp luật quốc gia	3		10		
Bài 12	**Chương 11: Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật** 11.1. Thực hiện pháp luật 11.2. Áp dụng pháp luật 11.3. Áp dụng pháp luật tương tự 11.4. Giải thích pháp luật	3		5		08
Bài 13	**Chương 12: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý** 12.1. Vi phạm pháp luật	3		5		08

		Số giờ				
	12.2. Trách nhiệm pháp lý					
Bài 14	**Chương 15: Nhà nước pháp quyền** 15.1. Những vấn đề chung quan hệ giữa nhà nước và cá nhân 15.2. Quan hệ giữa nhà nước và cá nhân qua các kiểu nhà nước 15.3. Quan hệ giữa nhà nước và cá nhân ở Việt Nam hiện nay	3		5		08
Bài 15	**Kiểm tra giữa kỳ và ôn tập**	3				03
TỔNG		**45**	**0**	**105**		150

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành: Không

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC *(Teaching – Learning methods):*

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: Thuyết giảng, thảo luận, giải quyết vấn đề và hướng dẫn đọc tài liệu.

- Thực hành: Không.

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: Nghe giảng, thảo luận, giải quyết vấn đề và đọc tài liệu.

- Thực hành: Không.

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO *(Learning materials)*

7.1. Tài liệu dạy học: *chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt*

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: *từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)*

[1] Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái (1997), *Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Lê Trọng Ân (2004), *Tìm hiểu tác phẩm nguồn gốc của gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia.

[3] Nguyễn Minh Đoan (2014), *Hướng dẫn môn học Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

1) Laptop

2) Slides

3) Máy chiếu

4) Viết và bảng

5) Micro

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ *(Testing and assessment methods)*

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá "Đạt" và không tính điểm trung bình học tập)	*Từ 5,0 trở lên*	*P*	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	*Chấm bài tập*	*Rubic 1*	*100%*

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	*Chuyên cần*	*Điểm danh, ý thức học tập*	*Rubic …*	*10%*
	Kiểm tra thường xuyên	*Trắc nghiệm*	*Rubic …*	*20% - 30%*
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		…		
Kết thúc học phần	*Thi*	*Trắc nghiệm / Tự luận*	*Rubic …*	*60% - 70%*

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN *(Matrix)*:

❖ **Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** *(nên có ma trận này)*

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**									
	(1)	**(2)**	**(6)**	**(7)**	**(11)**					
CLO1	H	P	P	S	P					
CLO2	H	P	P	S	P					
CLO3	H	P	P	S	P					
CLO4	H	P	P	S	P					

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra — Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra — Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra — Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

PP dạy -học	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**								
	(1)	**(2)**	**(6)**	**(7)**	**(11)**				
Thuyết trình	P	P	P	P	P				
Thảo luận nhóm	H	H	P	P	H				
Hỏi – trả lời	S	S	S	S	S				
Báo cáo chuyên đề									
Bài tập									
….									

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

PP kiểm tra, đánh giá	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**								
	(1)	**(2)**	**(6)**	**(7)**	**(11)**				
Lý thuyết	H	H	P	P	P				
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	H				

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(6)	(7)	(11)				
Điểm kiểm tra MCQ	S	S	P	P	H				
Điểm thi kết thúc MCQ	S	S	P	P	H				
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án …									
Thi kết thúc									

❖ **Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần**

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học**

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ *(Scoring guide/Rubric)*:

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ HP / Số giờ vắng	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	**10**	
> 0% - 10%	**9**	Có phép
> 0% - 10%	**7**	Không có phép
….		
> 25%	**0**	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân

- Tham gia hoạt động nhóm

- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG *(Student*

support)

- *Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.*
- *Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ ……. hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ …… hàng tuần tại Văn phòng khoa …*

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022